

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI LỘC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 199/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/ 10 / 2019

V/v Tranh chấp: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mậu Sáu

2. Ông Võ Văn N

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nguyệt Sương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đại Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/HPT ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Đông S

Trú tại: Thôn Y, xã A, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam(*có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông Lê Kim Đ

Trú tại: Thôn Y, xã A, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đông S trình bày:*

Bà và ông Lê Kim Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện vào năm 1988, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát N mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Đ uống rượu về nhà đánh đập bà nhiều lần. đi làm ăn xa không chăm lo đến gia đình và có quan hệ ngoại tình. Bà và ông Đ ly thân nhau từ tháng 02/2019 đến nay. Bà S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc vợ chồng đã thật sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Bà S khai vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hoàng M, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2003 và Lê Thị Hoàng N, sinh ngày 02/12/1990. Nay ly hôn

bà S có nguyện vọng được nuôi cháu M và yêu cầu ông Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 2.000.0000 đồng. Đối với cháu N đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà S khai tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại hồ sơ vụ án thể hiện, TAND huyện Đại Lộc đã nhiều lần phối hợp với công an xã A, Đại Lộc, Quảng Nam để tổng Đ nhiều lần các giấy triệu tập của Tòa án cho ông Lê Kim Đ. Nhưng qua xác minh thể hiện ông Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông vẫn cố tình trốn tránh không làm việc với Tòa. Do vậy, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông Lê Kim Đ tại địa phương như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo việc công khai chứng cứ, thông báo về các phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Huỳnh Thị Đông S đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70,71,186,188,189,227 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Lê Kim Đ, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 , 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ vắng mặt, không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét bà S và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông Đ .

Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Bà S không không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Lê Kim Đ đã cố tình trốn tránh, không hợp tác việc với Tòa. Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Kim Đ vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

- **Về nội dung:**

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Đông S và ông Lê Kim Đ thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện,

có tổ chức lễ cưới vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 (Điều

15, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014) nên quan hệ vợ chồng của ông bà không được pháp luật công nhận. Nay bà S xin ly hôn, Hội đồng xét xử nghĩ nên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông Đ là phù hợp với quy định pháp luật và có tác dụng giáo dục, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật cho công dân.

- **Về quan hệ con chung:** Xét nguyện vọng về nuôi con chung của bà S là phù hợp, HĐXX nghĩ nên chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Lê Thị Hoàng M, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2003 cho bà S nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: HĐXX xét thấy hiện nay ông Đ không có thu nhập ổn định nên buộc ông Lê Kim Đ phải có trách nhiệm đóng góp nuôi cháu Lê Thị Hoàng M mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc bà S phải chịu án phí theo quy định
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 các Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Đông S :

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên xử cho bà Huỳnh Thị Đông S được ly hôn với ông Lê Kim Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Giao cháu Lê Thị Hoàng M, N ngày 30 tháng 3 năm 2003 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Ông Lê Kim Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Hoàng M mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS là 10%/ năm.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Huỳnh Thị Đông S phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà S đã nộp theo biên lai thu số 0003170 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc. Ông Lê Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Các đương sự
- UBND xã A
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phụng

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Các đương sự
- UBND xã A
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phụng

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Các đương sự
- UBND xã A
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phụng